

CÔNG TY CỔ PHẦN VNG  
VNG CORPORATION  
Số/Ref: 10/2025/CBTT-VNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Freedom - Happiness  
TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2025  
Ho Chi Minh City, 31/03/2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ Phần VNG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính riêng ("BCTC") năm 2024 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

*In compliance with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance, guiding the disclosure of information on the securities market, VNG Corporation hereby announces the disclosure of its audited separate financial statement ("AFS") for the fiscal year 2024 to the Hanoi Stock Exchange as follows:*

**1. Tên tổ chức/ Organization Information:**

- Mã chứng khoán/Securities Code: VNZ
- Địa chỉ/Address: Z06 Đường Số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh/  
Z06, Street 13, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 3962388 Fax: .....
- Email:..... Website: <https://vng.com.vn/>

**2. Nội dung thông tin công bố/ Details of the Disclosed Information:**

- BCTC năm 2024/Financial Statement for 2024:
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/  
The Separate FS (Public Company without subsidiaries and an upper-level accounting unit  
with dependent units) ☐
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/ Consolidated FS (Public Company with  
subsidiaries); ☒
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ ☐  
Combined FS (Public Company with an accounting unit affiliated to its organizational  
structure).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ Circumstances requiring explanations:
  - Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với  
BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024)/ If the auditing organization provides  
an opinion other than a fully accepted opinion on the FS (for audited FS in 2024):  
☐ Có/Yes ☒ Không/No  
Văn bản giải trình trong trường hợp tích "Có"/ Explanation letter in case of "Yes":  
☐ Có/ Yes ☐ Không/No



- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024)/ *If net profit after tax in the reporting period shows a deviation of 5% or more before and after the audit, or changes from loss to profit or vice versa (for audited FS in 2024):*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation letter in case of "Yes":*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *If corporate income tax net profit in the income statement for the reporting period changes by 10% or more compared to the same period last year:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation letter in case of "Yes":*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *If net profit after tax in the reporting period incurs a loss, changing from profit in the same period last year to loss or vice versa:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation letter in case of "Yes":*

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02/04/2025 tại đường dẫn/ *This information has been disclosed on the company's website on 02/04/2025 at the following link: https://vng.com.vn/news/shareholders/financial-statement-of-qiv-2024.html*

**Tài liệu đính kèm/**

**Attachments:**

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán/Audited

Separate FS 2024

- Văn bản giải trình số/

Explanation Letter No.:

41/2025/CV-VNG

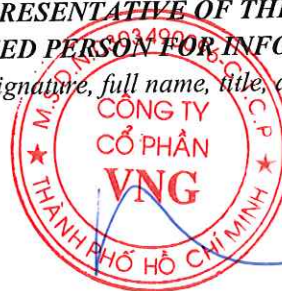
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**REPRESENTATIVE OF THE ORGANIZATION**

**AUTHORIZED PERSON FOR INFORMATION DISCLOSURE**

(Signature, full name, title, and company seal)



**TAN WEI MING**



## **Công ty Cổ phần VNG**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Shape the future  
with confidence**

# Công ty Cổ phần VNG

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 50



# Công ty Cổ phần VNG

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ kinh doanh trò chơi điện tử, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet, và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Nhà sáng lập, Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2024
Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2024
Ông Vương Quang Khải	Thành viên	
Bà Christina Gaw	Thành viên	
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Ông Phạm Văn Đô La	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2025
Ông Vũ Thành Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Bà Trương Thị Thanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024

# Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Nhà sáng lập, Tổng Giám đốc VNG	miễn nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2024
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao VNG	
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc Digital Business	
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc VNGGames	
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần VNG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.


### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Wong Kelly Yin Hon  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025





Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 11537012/67726953-VAS-R

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần VNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future  
with confidence

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 2787-2022-004-1

Dương Phúc Kiên  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 4613-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.268.948.101.699</b>	<b>2.688.214.344.290</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>661.033.097.236</b>	<b>1.732.371.924.390</b>
111	1. Tiền		661.033.097.236	569.571.924.390
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.162.800.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>6.750.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	6.750.000.000	55.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>432.049.238.640</b>	<b>795.022.086.802</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	322.204.689.491	275.238.195.877
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	4.342.070.768	9.119.362.857
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	106.679.190.285	512.659.672.657
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(1.176.711.904)	(1.995.144.589)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>8.039.843.225</b>	<b>10.626.098.562</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	8.973.228.250	11.450.851.884
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(933.385.025)	(824.753.322)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>161.075.922.598</b>	<b>95.194.234.536</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	145.540.150.458	79.658.652.840
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.349.469	1.159.025
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	15.534.422.671	15.534.422.671
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.051.675.914.797</b>	<b>3.200.588.484.025</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>4.773.590.487</b>	<b>1.610.992.507</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	4.773.590.487	1.610.992.507
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>596.220.358.981</b>	<b>669.315.020.501</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	511.389.221.106	558.281.779.132
222	Nguyên giá		893.171.471.297	914.575.960.004
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(381.782.250.191)	(356.294.180.872)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	84.831.137.875	111.033.241.369
228	Nguyên giá		738.597.287.156	753.528.934.517
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(653.766.149.281)	(642.495.693.148)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>46.091.610.825</b>	<b>17.617.137.146</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	46.091.610.825	17.617.137.146
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>2.297.908.754.512</b>	<b>2.385.673.390.856</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	6.843.762.611.378	4.838.648.044.366
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	1.261.649.300.772	1.195.550.935.009
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13.3	(5.807.503.157.638)	(3.649.525.588.519)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	1.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>106.681.599.992</b>	<b>126.371.943.015</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	106.681.599.992	126.371.943.015
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.320.624.016.496</b>	<b>5.888.802.828.315</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

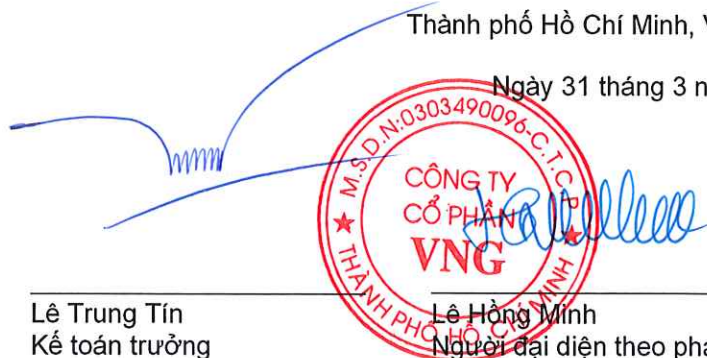
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.760.269.125.589</b>	<b>3.520.345.993.874</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.689.378.045.616</b>	<b>3.432.929.841.793</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	631.303.445.913	568.517.870.360
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	35.967.097.041	30.289.132.286
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	71.439.459.037	38.077.999.797
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	979.904.992.072	945.423.731.948
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	1.353.946.055.975	1.086.949.025.152
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	58.775.998.462	45.191.376.040
320	7. Vay ngắn hạn	20	558.040.997.116	718.480.706.210
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>70.891.079.973</b>	<b>87.416.152.081</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	50.404.166.823	66.951.008.607
337	2. Phải trả dài hạn khác		586.217.000	558.379.674
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	21	19.900.696.150	19.906.763.800
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>22</b>	<b>560.354.890.907</b>	<b>2.368.456.834.441</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>560.354.890.907</b>	<b>2.368.456.834.441</b>
411	1. Vốn cổ phần		287.360.000.000	287.360.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		287.360.000.000	287.360.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(60.038.260.807)	(60.038.260.807)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		333.033.151.714	2.141.135.095.248
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.141.135.095.248	2.482.476.505.399
421b	- Lỗ sau thuế năm nay		(1.808.101.943.534)	(341.341.410.151)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.320.624.016.496</b>	<b>5.888.802.828.315</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Hoàng Thị Huệ  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Người đại diện theo pháp luật



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	5.197.482.658.855	4.243.006.241.620
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	5.197.482.658.855	4.243.006.241.620
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(3.124.720.771.771)	(3.253.562.957.351)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.072.761.887.084	989.443.284.269
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	24.893.811.461	1.512.757.759.161
22 23	6. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(2.224.043.056.452) (49.052.827.317)	(864.339.145.841) (24.134.970.891)
25	7. Chi phí bán hàng	26	(670.807.888.008)	(935.803.583.052)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(885.149.676.352)	(1.029.199.314.586)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.682.344.922.267)	(327.141.000.049)
31	10. Thu nhập khác	27	1.780.802.404	2.998.696.987
32	11. Chi phí khác	27	(127.537.823.671)	(17.196.103.348)
40	12. Lỗ khác	27	(125.757.021.267)	(14.197.406.361)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(1.808.101.943.534)	(341.338.406.410)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	-	(3.003.741)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.1	-	-
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(1.808.101.943.534)	(341.341.410.151)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Hoàng Thị Huệ  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Người đại diện theo pháp luật



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(1.808.101.943.534)</b>	<b>(341.338.406.410)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	131.641.916.763	143.729.471.389
03	Các khoản dự phòng		2.167.079.408.319	844.601.223.125
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.735.812.299	1.300.300.015
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.231.997.454)	(1.489.536.371.848)
06	Chi phí lãi vay	25	49.052.827.317	24.134.970.891
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>531.176.023.710</b>	<b>(817.108.812.838)</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(208.418.751.221)	157.641.370.643
10	Giảm hàng tồn kho		2.477.623.634	630.658.932
11	Tăng các khoản phải trả		393.994.569.881	449.288.658.028
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(46.191.154.595)	99.025.073.996
14	Tiền lãi vay đã trả		(49.349.577.265)	(23.441.084.476)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>623.688.734.144</b>	<b>(133.964.135.715)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(105.871.196.669)	(55.281.847.621)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		1.017.102.575	410.477.369
23	Tiền chi thuần gửi kỳ hạn ngân hàng		-	(41.000.000.000)
24	Tiền thu thuần gửi kỳ hạn ngân hàng		49.250.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết		(1.756.693.834.375)	(1.304.430.110.062)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết		252.021.634.237	113.901.634.238
27	Tiền lãi và lợi nhuận đã nhận		13.516.658.177	1.493.746.622.808
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.546.759.636.055)</b>	<b>207.346.776.732</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền nhận đặt cọc mua cổ phần		11.286.240.000	14.940.170.000
33	Tiền thu từ đi vay	20	1.596.683.914.213	1.214.939.631.925
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(1.757.123.623.307)	(496.458.925.715)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(149.153.469.094)</b>	<b>733.420.876.210</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

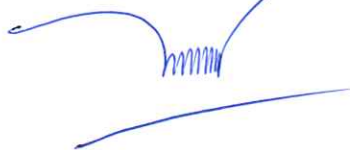
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		(1.072.224.371.005)	806.803.517.227
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		1.732.371.924.390	925.574.551.452
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		885.543.851	(6.144.289)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	661.033.097.236	1.732.371.924.390

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Hoàng Thị Huệ  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ kinh doanh trò chơi điện tử, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet, và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.519 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.587 người).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, hai mươi bảy (27) công ty con gián tiếp, năm (5) công ty liên kết trực tiếp và năm (5) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết về tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết cả trực tiếp và gián tiếp được trình bày như bảng bên dưới.



# Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
I.	Công ty con trực tiếp							
1.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	99,999	99,999	72,654	72,654	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Ví Na ("VinaData")	99,989	99,989	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Ví Na ("Vinanet")	99,50	99,50	99,50	99,50	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
4.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
6.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
7.	Công ty TNHH Zie ("Zie")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
8.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B")	69,80	69,80	69,80	69,80	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPS")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
10.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công thông tin và sản xuất phần mềm các loại	Đang hoạt động
11.	Quý kiến tạo ước mơ ("DMF")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quý xã hội, tổ chức phi lợi nhuận	Đang hoạt động



# Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
I.	Công ty con trực tiếp (tiếp theo)							
12.	Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")	-	-	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; cho thuê văn phòng	Đang hoạt động
II.	Công ty con gián tiếp							
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("MPT")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần VNG Data Center ("VNG DC")	50,994	51,00	98,989	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,989	100,00	99,989	100,00	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Ngưng hoạt động
5.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK") (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	Hồng Kông	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Ngưng hoạt động
6.	VNG Games Co., Ltd ("VNG Games")	99,989	100,00	99,989	100,00	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cập nhật trò chơi trực tuyến và trò chơi trên điện thoại	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,989	99,989	99,98	99,98	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
8.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	99,999	100,00	72,654	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
<b>II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)</b>								
10.	Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999	99,999	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997	99,998	99,997	99,998	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH VNG Solutions ("VNG Solutions")	99,50	100,00	99,50	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
13.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus")	99,934	99,934	99,934	99,934	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
14.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd. ("KMZ") (*)	99,989	100,00	99,989	100,00	Trung Quốc	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
15.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	100,00	100,00	100,00	100,00	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
16.	Instantiapay Holdings Pte. Ltd. ("Instpay Holdco") (*) (i)	47,73	66,67	47,73	66,67	Singapore	Hoạt động đầu tư	Trước hoạt động
17.	InstantiaPay SG Pte. Ltd. ("Instpay SG") (*)	47,73	100,00	47,73	100,00	Singapore	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
18.	InstantiaPay Pty Ltd ("Instpay AU")	47,73	100,00	47,73	100,00	Úc	Dịch vụ tài chính	Đang hoạt động
19.	InstantiaPay Limited (United Kingdom) ("Instpay UK") (*)	47,73	100,00	47,73	100,00	Vương Quốc Anh	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
20.	InstantiaPay Limited (Hongkong) ("Instpay HK") (*)	47,73	100,00	47,73	100,00	Hong Kong	Dịch vụ tài chính	Ngưng hoạt động
21.	Công ty TNHH InstantiaPay Việt Nam ("Instpay VN") (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Trước hoạt động

(i) Công ty giữ 47,73% tỷ lệ quyền sở hữu trực tiếp ở Instpay Holco theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết 66,67% được tính bao gồm cả tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)										
22.	VNG Investment Pte. Ltd. ("VNG Investment") (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	Singapore	Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Trước hoạt động
23.	YoPlatform FZE ("YoPlatform") (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	Dubai, các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
24.	Công ty Cổ phần Greenode ("Greenode Việt Nam")	98,989	99,00	98,989	98,989	99,00	99,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
25.	Greenode Pte. Ltd. ("Greenode SG")	99,989	100,00	99,989	99,989	100,00	100,00	Singapore	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
26.	Greenode Co., Ltd ("Greenode TH")	99,989	100,00	-	-	100,00	-	Thái Lan	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
27.	VNG Technologies LLC (*)	100,00	100,00	-	-	-	-	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	Dịch vụ mạng công nghệ thông tin; thiết bị hệ thống máy tính và truyền thông; thiết kế phần mềm; dịch vụ công nghệ sở cái phân tán; tư vấn công nghệ thông tin	Đang hoạt động

(\*) Các công ty này đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
<b>III. Công ty liên kết trực tiếp</b>								
1.	Telio Pte. Ltd ("Telio")	16,55	16,55	16,55	16,55	Singapore	Công ty đầu tư	Đang trong quá trình giải thể
2.	Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd ("Funding Asia")	3,40	4,67	3,80	4,88	Singapore	Kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số	Đang hoạt động
3.	Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")	35,00	35,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; cho thuê văn phòng	Đang hoạt động
4.	Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")	23,94	23,94	25,29	25,29	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	Đang hoạt động
5.	Công ty Cổ phần DayOne Holding ("DayOne Holding")	22,46	22,46	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại điện tử	Đang hoạt động
6.	Công ty Cổ phần DayOne ("DayOne")	-	-	27,27	27,27	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại điện tử	Đang hoạt động
<b>IV. Công ty liên kết gián tiếp</b>								
1.	Tiki Globa Pte. Ltd ("Tiki global")	-	-	14,61	14,61	Singapore	Công ty đầu tư	Đang hoạt động
2.	Beijing Youtu Interactive Co., Ltd ("Beijing Youtu")	14,00	14,00	14,00	14,00	Thành phố Beijing, Trung Quốc	Phân phối bản quyền trò chơi điện tử	Đang hoạt động
3.	Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")	11,25	11,25	11,25	11,25	Đảo Cayman	Công ty đầu tư	Đang hoạt động
4.	Open Commerce Group Ltd. ("OCG")	12,17	12,17	12,17	12,17	Singapore	Thương mại điện tử	Đang hoạt động
5.	Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")	30,00	30,00	30,00	30,00	Singapore	Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
6.	NCV Games Pte. Ltd ("NCV")	30,00	30,00	-	-	Singapore	Phát triển trò chơi	Đang hoạt động



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

### 2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính riêng đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trên báo cáo tài chính riêng, Công ty đã phát sinh khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 1.808.101.943.534 VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Ngoài ra, tổng nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 2.420.429.943.917 VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty đã lập kế hoạch dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính riêng này, bao gồm việc xem xét đến yếu tố tăng trưởng doanh thu và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động để cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Công ty kỳ vọng rằng, dựa trên kế hoạch dòng tiền dự phóng, Công ty có thể đảm bảo đủ nguồn tiền và các khoản tương đương tiền để đáp ứng các nhu cầu hoạt động kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng tới. Theo đó, báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH Tân Thuận số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm cho thời hạn thuê đến ngày 23 tháng 9 năm 2041. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Tài sản khác	1 - 3 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Phần mềm, bao gồm phí bản quyền*

Phần mềm, bao gồm phí bản quyền, được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Việc đánh giá sự suy giảm của phí bản quyền được thực hiện cho từng trò chơi một cách riêng lẻ, dựa trên hiệu suất dự báo của từng trò chơi. Các khoản tổn thất từ việc suy giảm của phí bản quyền được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Giá trị phí bản quyền của các giấy phép bị thu hồi hoặc đóng trong năm cũng sẽ được xóa sổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Chi phí nghiên cứu và triển khai*

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong năm. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Công ty có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

*Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ*

Công ty ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng (website) và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

#### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm:

*Trò chơi và phần mềm dở dang*

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang* (tiếp theo)

##### *Tài sản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

#### 3.8 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.9 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

#### 3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

#### 3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.14 *Vốn góp của chủ sở hữu*

##### *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 *Nghệp vụ chi trả bằng cổ phiếu*

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 32 của báo cáo tài chính riêng, do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### 3.16 *Ghi nhận doanh thu*

##### *Doanh thu trò chơi trực tuyến*

Công ty phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Công ty tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua tiền ảo để nhận hàng hóa ảo hoặc có thể mua hàng hóa ảo trực tiếp ("vật phẩm ảo") để nâng cao trải nghiệm cho người chơi. Công ty ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp tiền ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua tiền ảo hoặc vật phẩm ảo.

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Công ty chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Công ty được xác định khi Công ty tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện đối với người chơi được hoàn thành. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Công ty đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

Hàng quý, Công ty ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên "tỷ lệ rời bỏ" bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Công ty xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Công ty xác định rằng một người chơi sẽ "rời bỏ" nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Công ty sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

Mặc dù Công ty tin rằng các ước tính của mình là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến.

Công ty cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng ZaloPay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Công ty bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)*

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Công ty tính cho người chơi vì Công ty là chủ thể trong giao dịch này. Công ty kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (ví dụ như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Công ty cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Công ty ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Công ty yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Công ty không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Công ty ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

##### *Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến*

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức banner, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

##### *Các dịch vụ khác*

Các dịch vụ khác bao gồm:

- ▶ Dịch vụ giá trị tăng thêm cho người dùng
- ▶ Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát; và
- ▶ Dịch vụ khác.

Doanh thu của các dịch vụ trên được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

##### *Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Giá vốn dịch vụ cung cấp**

Giá vốn dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	634.144.916	246.056.841
Tiền gửi ngân hàng (*)	660.398.952.320	569.325.867.549
Các khoản tương đương tiền	-	1.162.800.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>661.033.097.236</b>	<b>1.732.371.924.390</b>

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, một phần tiền gửi ngân hàng tại ngân hàng của Công ty với tổng số tiền 339 tỷ VND đang bị giới hạn giao dịch liên quan đến việc rà soát pháp lý được thực hiện bởi cơ quan chức năng tại Việt Nam.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 4,5% đến 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

### 6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>101.626.500.954</b>	<b>78.217.750.864</b>
Apple INC.	59.006.579.192	42.802.102.715
Google INC.	16.975.732.700	13.517.198.240
Phải thu khách hàng khác	25.644.189.062	21.898.449.909
<b>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)</b>	<b>220.578.188.537</b>	<b>197.020.445.013</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>322.204.689.491</b>	<b>275.238.195.877</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.176.711.904)	(1.995.144.589)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>321.027.977.587</b>	<b>273.243.051.288</b>

### 6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	1.725.020.168	8.773.356.657
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	2.617.050.600	346.006.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.342.070.768</b>	<b>9.119.362.857</b>

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>106.679.190.285</b>	<b>512.659.672.657</b>
Tạm ứng góp vốn vào các công ty con	79.000.000.000	492.639.098.400
Chi hộ	18.556.589.647	9.015.209.598
Tạm ứng cho nhân viên	8.413.626.666	3.334.431.982
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	480.000.000	3.787.077.980
Tiền lãi phải thu	228.973.972	3.198.306.851
Khác	-	685.547.846
<b>Dài hạn</b>	<b>4.773.590.487</b>	<b>1.610.992.507</b>
Đặt cọc	4.773.590.487	1.610.992.507
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>111.452.780.772</b>	<b>514.270.665.164</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khác bên khác	16.180.303.290	14.598.387.147
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 30)	95.272.477.482	499.672.278.017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	5.245.576.275	-	7.444.666.767	-
Hàng khuyến mãi	3.727.651.975	(933.385.025)	4.006.185.117	(824.753.322)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.973.228.250</b>	<b>(933.385.025)</b>	<b>11.450.851.884</b>	<b>(824.753.322)</b>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	824.753.322	874.816.605
Cộng: Lập dự phòng trong năm	706.871.318	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(598.239.615)	(50.063.283)
Số cuối năm	933.385.025	824.753.322

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>145.540.150.458</b>	<b>79.658.652.840</b>
Phí bản quyền phần mềm	62.792.167.717	12.479.946.797
Chi phí kênh phân phối	58.022.366.330	34.513.869.469
Chi phí dịch vụ trả trước	21.471.865.274	25.393.334.819
Phí bản quyền âm nhạc	2.002.458.465	6.154.762.369
Khác	1.251.292.672	1.116.739.386
<b>Dài hạn</b>	<b>106.681.599.992</b>	<b>126.371.943.015</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	72.691.266.249	77.307.186.948
Công cụ, dụng cụ	16.515.027.890	18.793.010.189
Phí bản quyền âm nhạc	5.563.858.740	16.350.800.351
Chi phí sửa chữa văn phòng	8.586.265.919	9.836.593.822
Chi phí kênh phân phối	2.514.203.554	1.435.415.969
Khác	810.977.640	2.648.935.736
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>252.221.750.450</b>	<b>206.030.595.855</b>

(\*) Công ty sử dụng tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

						VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	657.061.467.139	31.149.364.370	38.839.595.567	137.049.068.489	50.476.464.439	914.575.960.004
Mua trong năm	-	-	7.930.542.236	5.243.971.636	428.208.167	13.602.722.039
Thanh lý	(1.670.391.880)	(21.936.797.475)	(811.028.819)	(6.281.086.232)	(673.293.507)	(31.372.597.913)
Xóa sổ	-	(3.485.342.212)	-	-	(149.270.621)	(3.634.612.833)
Số cuối năm	655.391.075.259	5.727.224.683	45.959.108.984	136.011.953.893	50.082.108.478	893.171.471.297
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	5.727.224.683	19.807.956.091	91.650.411.011	49.092.536.675	166.278.128.460
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	(133.041.017.216)	(31.149.364.370)	(30.225.713.197)	(111.998.768.332)	(49.879.317.757)	(356.294.180.872)
Khấu hao trong năm	(31.260.823.161)	-	(9.135.317.155)	(18.510.668.936)	(256.040.394)	(59.162.849.646)
Thanh lý	389.943.282	21.936.797.475	811.028.819	6.229.104.411	673.293.507	30.040.167.494
Xóa sổ	-	3.485.342.212	-	-	149.270.621	3.634.612.833
Số cuối năm	(163.911.897.095)	(5.727.224.683)	(38.550.001.533)	(124.280.332.857)	(49.312.794.023)	(381.782.250.191)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	524.020.449.923	-	8.613.882.370	25.050.300.157	597.146.682	558.281.779.132
Số cuối năm	491.479.178.164	-	7.409.107.451	11.731.621.036	769.314.455	511.389.221.106
Trong đó:						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 20)	491.479.178.164	-	-	-	-	491.479.178.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

# 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Khác	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	749.191.812.653	4.337.121.864	753.528.934.517
Mua trong năm	27.661.946.000	-	27.661.946.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	26.111.032.805	-	26.111.032.805
Xóa sổ	(66.704.626.166)	(2.000.000.000)	(68.704.626.166)
Số cuối năm	736.260.165.292	2.337.121.864	738.597.287.156
<b>Trong đó:</b>			
Đã hao mòn hết	480.460.760.708	2.337.121.864	482.797.882.572
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	(638.158.571.284)	(4.337.121.864)	(642.495.693.148)
Hao mòn trong năm	(72.479.067.117)	-	(72.479.067.117)
Xóa sổ	66.704.626.166	2.000.000.000	68.704.626.166
Khác	(7.496.015.182)	-	(7.496.015.182)
Số cuối năm	(651.429.027.417)	(2.337.121.864)	(653.766.149.281)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	111.033.241.369	-	111.033.241.369
Số cuối năm	84.831.137.875	-	84.831.137.875

# 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	46.091.610.825	17.138.740.000
Dự án Campus	-	478.397.146
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.091.610.825</b>	<b>17.617.137.146</b>

# 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	6.843.762.611.378	4.838.648.044.366
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	1.261.649.300.772	1.195.550.935.009
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	1.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.105.411.912.150</b>	<b>6.035.198.979.375</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 13.3)	(5.807.503.157.638)	(3.649.525.588.519)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.297.908.754.512</b>	<b>2.385.673.390.856</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**13.1 Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
	(%)	(VND)	(%)	(VND)
Zion (i)	99,999	5.549.651.547.562	72,654	3.364.556.980.550
VinaData (*)	99,989	898.100.000.000	99,989	898.100.000.000
Vinanet	99,50	124.073.818.913	99,50	124.073.818.913
Verichains	100,00	114.502.400.000	100,00	114.502.400.000
VNGS	100,00	60.000.000.000	100,00	60.000.000.000
EPI	100,00	51.433.844.903	100,00	51.433.844.903
Zie	100,00	20.000.000.000	100,00	20.000.000.000
A4B	69,80	15.001.000.000	69,80	15.001.000.000
ZPS	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000
VNG Online	100,00	1.000.000.000	100,00	1.000.000.000
VTH (ii)	-	-	100,00	179.980.000.000
DMF	100,00	-	100,00	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.843.762.611.378</b>		<b>4.838.648.044.366</b>
Dự phòng đầu tư vào công ty con		(4.991.732.853.069)		(3.297.652.422.621)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>		<b>1.852.029.758.309</b>		<b>1.540.995.621.745</b>

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty sử dụng 40.000.000 cổ phần sở hữu trong VinaData để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

(i) Trong quý 1 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Zion với tổng giá trị là 190.000.000.000 VND để tăng tỷ lệ sở hữu tại Zion từ 72,654% lên 73,758%.

Vào ngày 9 tháng 5 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 26,24108% tỷ lệ sở hữu trong Zion từ một cổ đông hiện hữu của Zion, với tổng giá mua là 1.234.455.468.612 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu tại Zion của Công ty tăng từ 73,758% lên 99,99908% kể từ ngày này.

Vào ngày 16 tháng 5 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Zion với tổng giá trị là 352.639.098.400 VND để tăng tỷ lệ sở hữu tại Zion từ 99,99908% lên 99,99914%.

Vào ngày 24 tháng 12 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Zion với tổng giá trị là 408.000.000.000 VND để tăng tỷ lệ sở hữu tại Zion từ 99,99914% lên 99,99922%.

(ii) Vào ngày 17 tháng 5 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc mua 0,002% tỷ lệ sở hữu trong VTH từ MPT và VNGS, là các công ty con khác của Công ty, với giá trị là 20.000.000 VND để tăng vốn góp tại VTH từ 179.980.000.000 VND lên 180.000.000.000 VND.

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty và VTH đã ký kết Hợp đồng Đăng ký Mua Cổ phiếu với một nhóm công ty là nhà đầu tư chiến lược để chào bán 33.428.572 cổ phần được phát hành thêm bởi VTH cho nhóm nhà đầu tư chiến lược này, với giá trị là 464.536.000.000 VND. Vào ngày 17 tháng 5 năm 2024, giao dịch trên đã hoàn tất. Theo đó, nhóm nhà đầu tư chiến lược sở hữu 65% trong VTH và Công ty giảm tỷ lệ sở hữu trong VTH xuống còn 35%. VTH trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
	(%)	(VND)	(%)	(VND)
Telio	16,55	515.273.409.170	16,55	515.273.409.170
Funding Asia (i)	3,40	284.746.435.385	3,8	398.648.069.622
VTH (Thuyết minh số 13.1)	35,00	180.000.000.000	-	-
Ecotruck (ii)	23,94	143.509.456.217	25,29	143.509.456.217
DayOne Holding (iii)	22,46	138.120.000.000	-	-
DayOne (iii)	-	-	27,27	138.120.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.261.649.300.772</b>		<b>1.195.550.935.009</b>
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết		(815.770.304.569)		(351.873.165.898)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>		<b>445.878.996.203</b>		<b>843.677.769.111</b>

(i) Trong năm 2024, Funding Asia đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn. Tuy nhiên, Công ty không tham gia quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Funding Asia bị pha loãng còn 3,63%.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý một phần vốn đầu tư trong Funding Asia cho VNG Singapore, một công ty con khác của Công ty, với giá trị là 113.901.634.237 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Funding Asia giảm còn 3,53%.

Trong tháng 12 năm 2024, Funding Asia đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn. Tuy nhiên, Công ty không tham gia quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Funding Asia bị pha loãng còn 3,40%.

(ii) Trong năm 2024, Ecotruck đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn. Tuy nhiên, Công ty không tham gia quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Ecotruck bị pha loãng còn 23,94%.

(iii) Trong năm 2024, Công ty đã hoàn tất thanh lý toàn bộ vốn đầu tư trong DayOne cho DayOne Holding với giá trị là 138.120.000.000 VND, tương đương 27,27% tỷ lệ sở hữu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc mua 27,27% tỷ lệ sở hữu trong DayOne Holding với giá trị là 138.120.000.000 VND.

Trong năm 2024, DayOne Holding đã hoàn tất việc phát hành cổ phần cho nhân viên theo chương trình cổ phiếu cho người lao động. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với DayOne Holding bị pha loãng còn 22,46%.

**13.3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

Chi tiết các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	3.649.525.588.519	2.812.703.016.715
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.164.879.717.998	842.191.494.579
Less: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.902.148.879)	(5.368.922.775)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.807.503.157.638</b>	<b>3.649.525.588.519</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán</b>	<b>249.666.951.988</b>	<b>155.590.220.746</b>
Seasun Games Corporation Limited	75.618.482.897	38.923.642.380
King & Spalding LLP	49.735.112.260	1.130.587.410
Google Asia Pacific Pte. Ltd.	16.960.348.050	22.528.511.828
Meta Platforms Ireland Limited	11.192.320.691	10.801.944.283
Haegin. Co. Ltd.	8.212.535.988	-
Công ty Cổ phần Giải trí và Truyền thông Lam Phương	8.191.289.977	3.936.546.518
Phải trả người bán khác	79.756.862.125	78.268.988.327
<b>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</b>	<b>381.636.493.925</b>	<b>412.927.649.614</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>631.303.445.913</b>	<b>568.517.870.360</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng từ bên thứ ba	35.967.097.041	30.289.132.286

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.534.422.671)	-	-	(15.534.422.671)
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	24.387.371.909	388.590.256.979	(371.181.097.848)	41.796.531.040
Thuế nhà thầu nước ngoài	7.569.912.132	296.974.270.874	(281.258.543.928)	23.285.639.078
Thuế thu nhập cá nhân	6.120.715.756	137.080.162.453	(136.843.589.290)	6.357.288.919
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.077.999.797</b>	<b>822.644.690.306</b>	<b>(789.283.231.066)</b>	<b>71.439.459.037</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bản quyền phần mềm	561.429.527.008	661.604.737.055
Chi phí lương	172.919.237.120	203.655.477.006
Chi phí quảng cáo	16.175.710.304	19.838.196.597
Chi phí phải trả khác	229.380.517.640	60.325.321.290
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>979.904.992.072</b>	<b>945.423.731.948</b>
Trong đó:		
Chi phí phải trả cho đối tượng khác	605.424.670.546	527.447.216.116
Chi phí phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	374.480.321.526	417.976.515.832

**18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Số dư cuối năm thể hiện tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ trò chơi trực tuyến và quảng cáo.

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.353.946.055.975</b>	<b>1.086.949.025.152</b>
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.227.922.756.454	1.051.823.701.151
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	52.132.491.724	1.721.260.260
Dịch vụ quảng cáo	45.563.818.364	28.467.441.069
Dịch vụ giá trị tăng thêm cho người dùng	12.046.114.194	-
Khác	16.280.875.239	4.936.622.672
<b>Dài hạn</b>	<b>50.404.166.823</b>	<b>66.951.008.607</b>
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	50.308.780.055	66.834.490.652
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	89.942.993	-
Khác	5.443.775	116.517.955
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.404.350.222.798</b>	<b>1.153.900.033.759</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc mua cổ phần	29.136.070.000	17.849.830.000
Thuế nhà thầu nước ngoài	26.668.350.889	22.774.338.680
Kinh phí công đoàn	1.542.848.502	2.815.543.551
Khác	1.428.729.071	1.751.663.809
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>58.775.998.462</b>	<b>45.191.376.040</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	718.480.706.210	1.376.316.887.350	(1.757.123.623.307)	337.673.970.253
Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	-	220.367.026.863	-	220.367.026.863
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>718.480.706.210</b>	<b>1.596.683.914.213</b>	<b>(1.757.123.623.307)</b>	<b>558.040.997.116</b>

Chi tiết khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại để thanh toán cho nhà cung cấp được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 9, 10 và 13.1)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	337.673.970.253	từ ngày 3 tháng 1 năm 2025 đến ngày 31 tháng 1 năm 2025	5,5	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất Số 24, tờ Bản đồ Số 31 (theo tài liệu đo đạc năm 2023), tọa lạc tại Lô Z.03b-04 và Lô Z.05-06-07, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh Bốn mươi triệu (40.000.000) cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của Công ty trong VinaData
Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	220.367.026.863	từ ngày 28 tháng 2 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	5,5	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>558.040.997.116</b>			

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động như được đề cập trong Thuyết minh số 3.11.



Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
<b>Năm trước:</b>					
Số đầu năm	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.264.419.931.578)	2.482.476.505.399	2.709.798.244.592
Hủy cổ phiếu quỹ	(71.082.620.000)	(1.193.337.311.578)	1.264.419.931.578	-	-
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	(341.341.410.151)	(341.341.410.151)
Số cuối năm	287.360.000.000	(60.038.260.807)	-	2.141.135.095.248	2.368.456.834.441
<b>Năm nay:</b>					
Số đầu năm	287.360.000.000	(60.038.260.807)	-	2.141.135.095.248	2.368.456.834.441
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	(1.808.101.943.534)	(1.808.101.943.534)
Số cuối năm	287.360.000.000	(60.038.260.807)	-	333.033.151.714	560.354.890.907

22.2 *Cổ phiếu*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	28.736.000	28.736.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.736.000	28.736.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.736.000	28.736.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm	287.360.000.000	358.442.620.000
Vốn góp giảm trong năm	-	(71.082.620.000)
Số cuối năm	<u>287.360.000.000</u>	<u>287.360.000.000</u>

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	4.222.272.112.761	3.414.935.277.160
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	542.873.741.785	584.123.657.597
Dịch vụ thông báo Zalo	242.304.342.606	133.813.124.454
Dịch vụ tăng thêm cho người dùng	58.172.641.285	1.097.966.088
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	50.910.885.444	32.793.426.005
Dịch vụ cho thuê	43.009.090.908	43.009.090.908
Khác	37.939.844.066	33.233.699.408
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.197.482.658.855</u></b>	<b><u>4.243.006.241.620</u></b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	4.608.775.942.737	3.340.117.800.564
Doanh thu đối với bên liên quan	588.706.716.118	902.888.441.056

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.346.486.163	16.154.802.927
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.547.325.298	20.588.486.234
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	1.476.014.470.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.893.811.461</u></b>	<b><u>1.512.757.759.161</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí bản quyền phần mềm	1.414.181.878.592	1.595.237.033.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	874.574.227.038	844.390.914.211
Chi phí nhân viên	743.809.049.400	717.797.738.006
Chi phí khấu hao và hao mòn	72.537.333.782	77.839.083.079
Chi phí khác	19.618.282.959	18.298.188.527
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.124.720.771.771</b>	<b>3.253.562.957.351</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng suy giảm giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.157.977.569.119	836.822.571.804
Chi phí lãi vay	49.052.827.317	24.134.970.891
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	15.276.847.717	2.081.303.131
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	1.735.812.299	1.300.300.015
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.224.043.056.452</b>	<b>864.339.145.841</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>670.807.888.008</b>	<b>935.803.583.052</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	619.078.581.746	850.547.331.558
Chi phí nhân viên	36.973.918.185	68.596.249.319
Chi phí khác	14.755.388.077	16.660.002.175
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>885.149.676.352</b>	<b>1.029.199.314.586</b>
Chi phí nhân viên	442.847.714.383	521.112.411.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	329.057.917.673	363.943.529.844
Chi phí khấu hao và hao mòn	59.104.582.981	65.890.388.310
Công cụ, dụng cụ	41.977.922.273	59.365.992.573
Chi phí khác	12.161.539.042	18.886.992.447
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.555.957.564.360</b>	<b>1.965.002.897.638</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.780.802.404</b>	<b>2.998.696.987</b>
Thu tiền từ thanh lý công cụ	1.044.250.569	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	286.479.874
Thu nhập khác	736.551.835	2.712.217.113
<b>Chi phí khác</b>	<b>(127.537.823.671)</b>	<b>(17.196.103.348)</b>
Chi phí xóa sổ tài sản	(10.290.037.328)	(7.353.064.260)
Chi phí thanh lý công cụ	(315.327.844)	-
Chi phí khác (*)	(116.932.458.499)	(9.843.039.088)
<b>LỖ THUẦN KHÁC</b>	<b>(125.757.021.267)</b>	<b>(14.197.406.361)</b>

(\*) Công ty có liên quan đến một tranh chấp pháp lý về vi phạm bản quyền tại Hoa Kỳ. Vụ kiện này bắt đầu vào năm 2014 và đã trải qua một số phiên tòa, bao gồm nhiều lần kháng cáo của các bên. Cho đến nay, vẫn chưa có phán quyết cuối cùng của tòa án đối với tranh chấp, dẫn đến trách nhiệm bồi thường của Công ty.

Trong năm, Công ty đã đàm phán với bên đối tác và đã đạt được thỏa thuận giải quyết vụ việc. Số tiền giải quyết đã được ghi nhận vào báo cáo tài chính riêng của Công ty theo hợp đồng giải quyết được ký và có hiệu lực vào ngày 19 tháng 3 năm 2025.

## 28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.822.705.726.457	2.058.881.775.613
Phí bản quyền phần mềm	1.414.181.878.592	1.595.237.033.528
Chi phí nhân viên	1.223.630.681.968	1.307.506.398.737
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	131.641.916.763	143.729.471.389
Công cụ, dụng cụ	42.175.015.138	59.579.737.321
Chi phí khác	46.343.117.213	53.631.438.401
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.680.678.336.131</b>	<b>5.218.565.854.989</b>

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	3.003.741
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>3.003.741</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(1.808.101.943.534)</b>	<b>(341.338.406.410)</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(361.620.388.707)	(68.267.681.282)
Các khoản điều chỉnh:		
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau và các chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	249.875.937.136	293.788.008.984
Chi phí không được trừ	111.744.451.570	69.682.566.298
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	(295.202.894.000)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	3.003.741
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>3.003.741</b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Lỗ thuế của Công ty khác với lỗ kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**29.3 Lỗ chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ thuế lũy kế với tổng giá trị là 3.056.725.890.662 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.957.614.169.676 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

			VND	
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
2021	2026	253.245.072.344	-	253.245.072.344
2022	2027	1.326.625.144.087	-	1.326.625.144.087
2023	2028	377.743.953.245	-	377.743.953.245
2024	2029	1.099.111.720.986	-	1.099.111.720.986
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.056.725.890.662</b>	<b>-</b>	<b>3.056.725.890.662</b>

(\*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 29.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do chưa ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này:

#### Chênh lệch tạm thời

	VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lỗi thuế chuyển sang năm sau	3.056.725.890.662
Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	
Doanh thu chưa thực hiện liên quan trò chơi trực tuyến	1.276.288.784.901
Chi phí dự phòng liên quan trò chơi trực tuyến	9.319.961.446
Dự phòng trợ cấp thôi việc	19.900.696.150
Chi phí phải trả	5.481.512.203
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.176.711.904
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	933.385.025
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	971.968.577
Chi phí kênh phân phối	(50.961.556.321)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.319.837.354.547</b>

## 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và có các giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
A4B	Công ty con
Adtima	Công ty con
DMF	Công ty con
EPI	Công ty con
Fiza	Công ty con
Greennode SG	Công ty con
Greennode Vietnam	Công ty con
Greennode TH	Công ty con
Instpay AU	Công ty con
Instpay HK	Công ty con
Instpay Holco	Công ty con
Instpay SG	Công ty con
Instpay UK	Công ty con
Instpay VN	Công ty con
KMZ	Công ty con
Mixus	Công ty con
MLT HK	Công ty con
MPT	Công ty con
Thanh Sơn	Công ty con
Verichains	Công ty con



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và có các giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Verichains SG	Công ty con
VinaData	Công ty con
Vinanet	Công ty con
VNG DC	Công ty con
VNG Games	Công ty con
VNG Investment	Công ty con
VNG Myanmar	Công ty con
VNG Online	Công ty con
VNG Singapore	Công ty con
VNG Solutions	Công ty con
VNGS	Công ty con
XFM	Công ty con
YoPlatform	Công ty con
Zie	Công ty con
Zion	Công ty con
ZPI	Công ty con
ZPS	Công ty con
VNG Technologies LLC	Công ty con
Beijing Youtu	Công ty liên kết
Cloudverse	Công ty liên kết
DayOne	Công ty liên kết
DayOne Holding	Công ty liên kết
Ecotruck	Công ty liên kết
Funding Asia	Công ty liên kết
OCG	Công ty liên kết
Rocketeer	Công ty liên kết
Telio	Công ty liên kết
Tiki Global	Công ty liên kết
VTH	Công ty liên kết
NCV	Công ty liên kết
Dorocat Games Co., Ltd ("Dorocat")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Ti Ki ("Tiki")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Tikinow Smart Logistics ("Tikinow")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Telio Việt Nam ("Telio Vietnam")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Got It ("Got It")	Công ty con của công ty liên kết
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Mobile International Ltd. ("Tencent Mobile")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Proxima Beta Pte. Limited ("Proxima")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Riot Games Services Pte Ltd. ("Riot Games Services")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Aceville Pte. Ltd. ("Aceville")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
VNG Limited	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ BigV ("BigV")	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài ra, các bên liên quan với Công ty cũng bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như được trình bày tại phần Thông tin chung của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Zion	Góp vốn	2.185.094.567.012	401.800.003.500
	Sử dụng dịch vụ	45.981.450.046	43.132.143.803
	Doanh thu cho thuê	24.000.000.000	24.000.000.000
	Doanh thu qua ZaloPay	-	1.648.908.333
Thanh Sơn	Bán thẻ trò chơi trả trước	1.120.737.096.047	1.160.366.179.558
	Sử dụng dịch vụ	401.200.913	531.790.100
Riot	Doanh thu phân chia	655.716.071.830	5.965.142.985
	Doanh thu dịch vụ quảng cáo	29.844.074.620	30.932.551.426
	Phí bản quyền phần mềm	-	390.405.155.838
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	539.621.940.961	366.488.663.342
	Doanh thu dịch vụ quảng cáo	9.365.460.411	13.570.713.042
	Sử dụng dịch vụ	-	1.282.087.530
Adtima	Doanh thu phân chia	440.117.096.275	486.493.666.882
	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	461.759.463	508.470.100
	Sử dụng dịch vụ	279.432.460	-
VinaData	Thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền	412.076.268.421	401.950.902.840
	Sử dụng dịch vụ	1.624.597.195	-
	Cung cấp dịch vụ	1.362.417.308	3.018.408.600
	Góp vốn	-	711.000.000.000
ZPS	Doanh thu phân chia	247.735.608.020	268.147.393.843
	Lợi nhuận được chia	-	240.000.000.000
MPT	Doanh thu phân chia	204.342.533.843	217.996.641.610
	Doanh thu về hợp tác khai thác liên quan chương trình Coin - Khách hàng thân thiết	1.286.053.546	-
DayOne	Rút vốn	138.120.000.000	-
	Sử dụng dịch vụ	480.756.296	976.160.000
DayOne Holding	Góp vốn	138.120.000.000	-
Funding Asia	Thu hồi khoản đặt cọc	113.901.634.237	113.901.634.238
VNGS	Phí bản quyền phần mềm	61.572.431.486	167.065.331.070
	Chi phí sử dụng phần mềm	51.637.795.501	120.846.055.503
	Doanh thu cho thuê	18.829.090.908	18.829.090.908
	Sử dụng dịch vụ	290.000.000	720.568.493
	Lợi nhuận được chia	-	714.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
EPI	Sử dụng dịch vụ quảng cáo Lợi nhuận được chia	58.809.171.142 -	76.357.413.612 488.014.470.000
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	52.481.488.803	60.673.402.895
Fiza	Doanh thu phân chia	46.270.726.367	44.842.561.759
VNG Online	Tạm ứng vốn góp Sử dụng dịch vụ quảng cáo Lợi nhuận được chia	39.000.000.000 2.530.195.396 -	- 38.340.846.227 30.000.000.000
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	35.616.224.925	77.280
Zie	Doanh thu phân chia Lợi nhuận được chia	16.161.426.282 -	13.132.607.838 4.000.000.000
Aceville	Thuê server và cước dịch vụ đường truyền Sử dụng dịch vụ	15.582.183.895 -	14.120.131.202 8.937.932.020
Mixus	Phí bản quyền phần mềm Doanh thu nhạc chờ và bản quyền bài hát	10.000.000.000 5.683.581.155	13.636.363.635 1.737.763.010
Vinanet	Cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ Doanh thu cho thuê	8.333.333.333 568.398.634 180.000.000	- 170.563.525 180.000.000
VNG DC	Cung cấp dịch vụ	4.055.726.501	-
XFM	Mua dịch vụ quảng cáo	2.875.677.697	2.695.190.776
VNG Solutions	Cung cấp dịch vụ	1.978.064.730	430.948.987
VTH	Cung cấp dịch vụ Góp vốn	263.400.000 20.000.000	- 179.780.000.000
Telio	Góp vốn	127.933.052	471.643.963
BigV	Hoàn đặt cọc mua cổ phần	-	80.000.000.000
Ecotruck	Góp vốn	-	11.850.106.562
DMF	Chi phí hoạt động từ thiện	-	7.800.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>			
Zion	Thu hộ	74.613.176.667	98.292.304.000
	Chi phí thuê	2.200.000.000	2.227.000.000
Adtima	Doanh thu quảng cáo phân chia	42.113.481.411	22.675.402.397
Thanh Sơn	Bán thẻ trò chơi trả trước	38.441.850.000	28.293.300.000
Riot	Cung cấp dịch vụ	37.361.581.157	24.356.779.901
	Doanh thu trích trước	399.613.600	-
Fiza	Doanh thu phân chia	10.570.310.477	14.049.807.805
Proxima	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	5.242.864.444	5.753.530.601
VNGS	Phí thuê	4.859.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	60.390.000	-
VNG Solutions	Cung cấp dịch vụ	2.601.734.814	430.948.987
Mixus	Doanh thu quảng cáo phân chia	1.151.885.637	913.271.722
VNG DC	Cung cấp dịch vụ	914.343.045	-
ZPI	Phí bản quyền phần mềm	26.771.835	-
Vinanet	Cung cấp dịch vụ	16.500.000	16.500.000
DayOne	Cung cấp dịch vụ	4.685.450	11.599.600
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>220.578.188.537</b>	<b>197.020.445.013</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</b>			
VNG Solutions	Sử dụng dịch vụ	2.450.000.000	-
Thanh Sơn	Sử dụng dịch vụ	167.050.600	345.956.200
Zion	Sử dụng dịch vụ	-	50.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.617.050.600</b>	<b>346.006.200</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</b>			
Zion	Tạm ứng vốn góp	40.000.000.000	492.639.098.400
	Chi hộ	3.555.820.205	1.755.973.360
VNGO	Tạm ứng vốn góp	39.000.000.000	74.945.811
EPI	Chi hộ	7.991.033.871	-
VNG Solutions	Chi hộ	2.398.290.031	-
VNG Singapore	Chi hộ	816.891.211	882.763.044
VNGS	Chi hộ	711.253.782	-
VTH	Chi hộ	-	3.500.000.000
Các công ty khác	Chi hộ	799.188.382	819.497.402
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>95.272.477.482</b>	<b>499.672.278.017</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</b>			
MPT	Thu hộ	117.618.886.971	43.202.394.030
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	114.600.272.314	110.514.977.073
ZPS	Thu hộ	71.067.787.564	39.385.181.333
VNG Singapore	Thu hộ	21.096.158.876	20.934.667.259
Zie	Thu hộ	19.857.716.169	3.893.485.785
VinaData	Chi phí cước đường truyền	14.364.944.492	80.484.228.116
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	8.786.849.137	23.974.869.718
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	5.531.508.396	-
Zion	Sử dụng dịch vụ	3.961.886.118	8.303.174.802
Aceville	Sử dụng dịch vụ	2.496.217.720	5.149.920.311
VNGS	Phí bản quyền phần mềm	-	65.040.874.406
EPI	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	-	8.541.252.809
Các công ty khác	Sử dụng dịch vụ	2.254.266.168	3.502.623.972
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>381.636.493.925</b>	<b>412.927.649.614</b>

<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</b>			
Riot	Phí bản quyền phần mềm	216.088.179.247	240.495.754.676
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	136.073.923.514	127.782.798.405
	Chi phí hoạt động	845.898.047	-
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	12.627.573.364	-
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	3.829.644.218	44.445.715.430
VinaData	Chi phí cước đường truyền	3.737.631.056	3.148.496.588
Aceville	Sử dụng dịch vụ	1.277.472.080	1.696.771.332
XFM	Doanh thu phân chia	-	406.979.401
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>374.480.321.526</b>	<b>417.976.515.832</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Hồng Minh - Chủ tịch (i)	4.597.728.000	4.574.342.000
Ông Vương Quang Khải - Thành viên (ii)	6.531.728.000	5.906.342.000
Thành viên Ban Kiểm soát	180.000.000	180.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.309.456.000</b>	<b>10.660.684.000</b>

(i) Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Đại diện pháp luật.

(ii) Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)*

		VND
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Giám đốc</b>		
<b>Tiền lương trung bình một tháng (VND/tháng)</b>		
Ông Lê Hồng Minh	383.144.000	381.195.167

		VND
	Năm nay	Năm trước
<b>Các thành viên quản lý chủ chốt khác</b>		
<b>Tiền lương trung bình một tháng cho một người (VND/tháng/người)</b>		
Các Phó Tổng Giám đốc điều hành	402.218.229	500.920.543

**31. CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ TIỀM TÀNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	22.185.437.333	21.150.333.828
Từ 1 đến 5 năm	56.650.483.500	4.178.898.270
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.835.920.833</b>	<b>25.329.232.098</b>

*Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các cam kết liên quan đến việc thi công công trình, mua bản quyền trò chơi, mua sắm máy móc thiết bị và các cam kết khác được thể hiện như sau:

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bản quyền trò chơi	140.655.853.206	34.522.287.000
Phí bản quyền tối thiểu	81.367.159.500	12.556.887.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>222.023.012.706</b>	<b>47.079.174.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

#### *Các cam kết và nghĩa vụ tiềm tàng khác*

- (i) Trong năm 2022, Công ty đã thành lập một pháp nhân, VNG Limited, để làm phương tiện niêm yết. Theo các điều khoản của thỏa thuận đăng ký, khoản cam kết của Công ty với số tiền là 24 triệu đô la Mỹ được thừa nhận là phụ thuộc vào đợt phát hành lần đầu ra công chúng ("IPO") của VNG Limited. Nếu đợt IPO không diễn ra vào một ngày cụ thể, Công ty sẽ không được coi là đã vi phạm nghĩa vụ tài trợ số tiền đã cam kết theo yêu cầu. Tổng số tiền cam kết dự kiến sẽ được gọi trong hơn 5 năm kể từ ngày ký thỏa thuận đăng ký. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có ý định tiếp tục thỏa thuận này nếu như đợt IPO không được diễn ra trước hoặc vào ngày chốt các đối tác thích hợp đã được gia hạn tới ngày 30 tháng 6 năm 2025. Theo đó, trong trường hợp này, Công ty có thể chấp dứt hợp đồng đăng ký mà không phải chịu bất cứ khoản phạt nào.
- (ii) Theo thỏa thuận cổ đông đã được sửa đổi vào ngày 9 tháng 5 năm 2024 và thỏa thuận sửa đổi số 1 ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa Công ty, VNG Limited và một số đối tác có liên quan, Công ty có nghĩa vụ, trong trường hợp VNG Limited, với tư cách là bên có nghĩa vụ, không thể thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với bất kỳ khoản tổn thất nào cho các đối tác này khi xảy ra sự kiện vi phạm trong khoảng thời gian cụ thể, Công ty sẽ chịu trách nhiệm thực hiện việc bồi thường đối với bất kỳ khoản thiếu hụt đó. Các khoản này phát sinh từ những tổn thất mà bên đối tác phải chịu và đã được cam kết bồi thường, đảm bảo từ VNG Limited.

### 32. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo tài chính riêng cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

#### **Chương trình cổ phiếu cho nhân viên ("ESOP")**

Công ty có ESOP, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu (ESOP II) hoặc 30.000 VND/cổ phiếu (ESOP III). Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu được tổng hợp từ chương trình ESOP II và ESOP III là 3.306.526 và được cấp từ năm 2020 đến hết năm 2027.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 32. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

#### Chương trình cổ phiếu cho nhân viên (“ESOP”) (tiếp theo)

Chi tiết của chương trình cổ phiếu được tóm tắt như sau:

1. *Kế hoạch thực hiện*  
Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên.
2. *Các điều khoản*
  - (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
  - (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.
3. *Điều kiện*
  - (i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.
  - (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	889.704	30.000	753.876
Cấp trong năm	30.000	546.701	30.000	685.834
Mất quyền mua trong năm	30.000	(75.076)	30.000	(51.967)
Thực hiện quyền mua trong năm	30.000	(384.047)	30.000	(498.039)
Số dư tại ngày 31 tháng 12		<u>977.282</u>		<u>889.704</u>

### 33. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngoại tệ:</i>		
- USD	1.805	490.158
- INR	-	330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào VNG Online với tổng giá trị là 39.000.000.000 VND.

Vào ngày 6 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm cổ phiếu phát hành mới từ Zion với tổng giá trị là 40.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Zion là 99,99922%.

Vào ngày 7 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất thủ tục pháp lý để thành lập Công ty TNHH 2MoreBits theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2024 với vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND.

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất thủ tục pháp lý để thành lập Công ty Zalo Platforms theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2024 với vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Hoàng Thị Huệ  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Người đại diện theo pháp luật





CÔNG TY CỔ PHẦN VNG  
VNG CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số: 41/2025/CV-VNG

V/v giải trình số liệu trên BCTC riêng năm

2024 đã được kiểm toán

Ref: The explanation in the Audited

Separate FS for 2024

Tp. HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Ho Chi Minh City, 31/03/2025

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội  
To - State Securities Commission of Viet Nam  
- Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức giao dịch/ Trading name of organization, company: Công Ty Cổ phần VNG ("VNG"/ "Công ty")/ VNG CORPORATION ("VNG"/ the "Company")
- Mã chứng khoán/ Securities code: VNZ
- Trụ sở chính/Address: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh/ Z06, Street 13, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City
- Nội dung/Content:

VNG xin được giải trình về việc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên trên Báo cáo tài chính ("BCTC") riêng năm 2024 đã được kiểm toán; giải trình về việc lỗ sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 thay đổi từ 10% trở lên so với năm trước; giải trình về việc lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chi tiết như sau:

VNG would like to provide an explanation for the deviation of 5% or more in the loss after corporate income tax ("CIT") before and after the audit, as presented in the audited separate financial statements ("FS") for 2024. Additionally, we would like to explain the deviation of 10% or more in the loss after CIT in the 2024 income statement compared to the previous year, and the loss after tax in the reporting period as follows:

VND

Chỉ tiêu/Items	BCTC riêng năm 2024/ Separate FS for 2024			
	Sau kiểm toán/ Audited	Trước kiểm toán/ Unaudited	Chênh lệch/ Variance	Chênh lệch/ %
Lỗ sau thuế TNDN Net loss after CIT	(1.808.101.943.534)	(1.265.350.797.045)	(542.751.146.489)	43%

Chỉ tiêu/Items	BCTC riêng đã được kiểm toán/ Audited separate FS			
	Năm nay/ Current Year	Năm trước/ Previous Year	Chênh lệch/ Variance	Chênh lệch/ %
Lỗ sau thuế TNDN Net loss after CIT	(1.808.101.943.534)	(341.341.410.151)	(1.466.760.533.383)	430%

Nguyên nhân/Reason:

Lỗ sau thuế TNDN trên BCTC riêng năm 2024 đã kiểm toán tăng trên 5% so với BCTC riêng trước kiểm toán chủ yếu ảnh hưởng từ việc VNG trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con, công ty liên kết và chi phí liên quan đến bản quyền.

*The net loss after CIT in the audited separate FS of 2024 increased more than 5% to compared with the unaudited separate FS, mainly impact from recognizing provision for long-term investment into subsidiaries, associates and license expense.*

BCTC riêng năm 2024 đã được kiểm toán của VNG ghi nhận lỗ sau thuế TNDN và lỗ sau thuế TNDN năm nay tăng trên 10% trở lên so với năm trước chủ yếu ảnh hưởng từ việc VNG ghi nhận chi phí tài chính từ trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con và công ty liên kết trong năm 2024 tăng so với năm trước.

*VNG's audited separate FS of 2024 recorded a loss after CIT, and the loss after CIT in the current profit or loss report increased by more than 10% compared with the previous year, mainly impact from recognizing provision for long-term investment into subsidiaries and associates.*

Công ty Cổ phần VNG giải trình đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và Quý Cổ đông được biết.

*VNG Corporation hereby submits this explanation to the State Securities Commission, the Hanoi Stock Exchange, and our esteemed shareholders for your reference.*

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên/as above;
- Lưu VT/For record-keeping

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
*Disclosure Information Authorized Person*



TAN WEI MING